

Số: 2878/QĐ-UBND

Bình Giang, ngày 17 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa phương  
5 năm 2021-2025 và năm 2023**

**CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 19/2020/NQ-HĐND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Ban hành Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định  
mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương tỉnh Hải Dương giai  
đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2023 của  
HĐND huyện Bình Giang khóa XX - Kỳ họp thứ Mười về phân bổ, điều chỉnh kế  
hoạch đầu tư công vốn NSDP 5 năm 2021-2025 và năm 2023;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại tờ trình số  
185/TTr -TCKH ngày 15 tháng 11 năm 2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách địa  
phương 5 năm 2021-2025, cụ thể như sau:

**1. Điều chỉnh cơ chế nguồn vốn:** Dự án trọng điểm được tỉnh giao cấp  
huyện thực hiện, từ dự án tạo nguồn sang vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ 80% và vốn  
ngân sách cấp huyện đầu tư 20% theo tổng mức đầu tư dự án đã được phê duyệt  
và điều chỉnh giảm 1.050.000 triệu đồng kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025  
nguồn thu sử dụng đất từ dự án tạo nguồn (theo Nghị quyết số 14/NQ-HĐND ngày  
09/5/2023 của HĐND tỉnh) đã phân bổ về ngân sách huyện là 1.050.000 triệu  
đồng.

(Chi tiết có biểu số 01 kèm theo)

**2. Điều chỉnh giảm 151.918,7 triệu đồng:** Giảm một số dự án công trình  
dự vốn, công trình trọng điểm do tỉnh điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và một số dự



án không đảm bảo đủ khối lượng hoàn thành để giải ngân;

**3. Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã:** Hỗ trợ các xã trả nợ công trình XDCB do UBND các xã, thị trấn làm chủ đầu tư là: 151.918,7 triệu đồng, bao gồm 65 dự án.

*(Chi tiết có biểu số 02 kèm theo)*

**Điều 2.** Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2023

**1. Kế hoạch nguồn vốn đầu tư công năm 2023 là 465.365,6 triệu đồng**

Trong đó:

- Nguồn XDCB tập trung: 17.520 triệu đồng;
- Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất: 89.925 triệu đồng;
- Nguồn thu đất các dự án: 150.000 triệu đồng;
- Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023: 199.920,6 triệu đồng;
- Nguồn KTTC & MT: 8.000 triệu đồng;

**1.1 Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn năm 2023 là 335.039,7 triệu đồng**

Cụ thể như sau:

a) Từ nguồn đấu giá quyền sử dụng đất 63.121 triệu đồng, gồm:

- Giảm kế hoạch vốn bố trí hỗ trợ xây dựng Trụ sở làm việc Công an cấp xã là 16.000 triệu đồng;

- Giảm kế hoạch vốn bố trí 10% công tác quy hoạch, đo đạc, cấp giấy chứng nhận... là 23.579,1 triệu đồng;

- Giảm kế hoạch vốn bố trí để thanh toán hạ tầng kỹ thuật, công tác đền bù GPMB là 13.141,9 triệu đồng;

- Giảm kinh phí hỗ trợ ngân sách xã để thanh toán các công trình do UBND xã làm chủ đầu tư là 10.400 triệu đồng (gồm 03 công trình: Xã Bình Xuyên 3.700 triệu đồng; Xã Thái Hoà: 3.700 triệu; xã Thúc Kháng 3.000 triệu đồng).

b) Từ nguồn thu tiền đất của các dự án 120.000 triệu đồng, gồm:

- Giảm kế hoạch vốn bố trí công trình trọng điểm: Dự án "Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cậy đến đường tỉnh 394" là 120.000 triệu đồng;

c) Từ nguồn vốn chuyển nguồn sang năm 2023 là: 151.918,7 triệu đồng,

- Giảm kế hoạch vốn đã bố trí cho công trình trọng điểm: Dự án "Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cậy đến đường tỉnh 394" là 130.000 triệu đồng;

- Giảm vốn của một số công trình do dư vốn, và công trình chưa đảm bảo giải ngân vốn 100% là: 11.918,7 triệu đồng;

- Giảm bố trí 10% công tác quy hoạch, đo đạc, cấp giấy chứng nhận .... Là 10.000 triệu đồng.

*(Chi tiết có phục lục biểu số 03 kèm theo)*

**1.2. Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn năm 2023 là: 419.497,7 triệu đồng,** cụ thể như sau:

a) Tăng kế hoạch vốn do UBND tỉnh bố trí cho công trình trọng điểm là: Dự án “Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cây đến đường tỉnh 394” là 250.000 triệu đồng;

b) Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã làm chủ đầu tư thực hiện trả nợ công trình XDCCB là: 151.918,7 triệu đồng, bao gồm 65 dự án.

c) Hỗ trợ các xã, thị trấn năm 2023 là 17.579,0 triệu đồng.

**2. Kế hoạch nguồn vốn đầu tư công sau điều chỉnh**

**Tổng kế hoạch nguồn vốn năm 2023 là 549.823,6 triệu đồng**

Trong đó:

- Nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất:	44.383 triệu đồng;
- Nguồn XDCCB tập trung:	17.520 triệu đồng;
- Nguồn thu đất các dự án:	30.000 triệu đồng;
- Nguồn vốn Tỉnh hỗ trợ :	250.000 triệu đồng;
- Nguồn vốn chuyển nguồn sang năm 2023 là:	199.920,6 triệu đồng;
- Nguồn KTTC & MT:	8.000 triệu đồng.

*(Chi tiết có phục lục biểu số 03 kèm theo)*

**Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao các phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, khẩn trương triển khai thực hiện:

1.1. Tổ chức quản lý chặt chẽ và khai thác tốt các nguồn thu. Đẩy nhanh việc đấu thầu, đấu giá chuyển quyền sử dụng đất và tính tiền sử dụng đất của các dự án khu dân cư, điểm dân cư. Kịp thời xác định nghĩa vụ tài chính đối với các dự án đã được giao đất, đơn đốc nhà đầu tư đã được giao đất, có quyết định phê duyệt giá đất cụ thể, khẩn trương hoàn thành nghĩa vụ tài chính liên quan đến đất đai để bảo đảm hoàn thành kế hoạch thu sử dụng đất 5 năm 2021-2025.

1.2. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, xử lý nhà đất thuộc nhà nước quản lý để tăng nguồn thu tiền sử dụng đất.

1.3. Phải thật sự chủ động vào cuộc, tích cực hướng dẫn và thường xuyên kiểm tra đơn đốc, giám sát trong triển khai dự án; kịp thời giải quyết dứt điểm các



khó khăn, vướng mắc trong việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và giải quyết nhanh các thủ tục về đầu tư theo quy định của pháp luật.

## 2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao yêu cầu:

### 2.1. Chủ đầu tư dự án chịu trách nhiệm:

- Khẩn trương hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, tổ chức lựa chọn nhà thầu có đầy đủ năng lực thực hiện dự án, bảo đảm chất lượng công trình và đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

- Ban hành kế hoạch giải ngân, lập báo cáo cam kết chịu trách nhiệm giải ngân kế hoạch vốn năm 2023 theo quy định của pháp luật hiện hành, gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi thực hiện.

- Định kỳ hằng tháng, quý và cả năm báo cáo tình hình thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 gửi về Phòng Tài chính - Kế hoạch để theo dõi, tổng hợp báo cáo UBND huyện, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính theo quy định.

2.2. Căn cứ danh mục, mức vốn NSDP5 năm 2021-2025 và năm 2023 nguồn ngân sách huyện bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã, UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm: Báo cáo HĐND cấp xã quyết định: Đưa vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và năm 2023 của cấp mình theo quy định của pháp luật về đầu tư công; bố trí đủ vốn NSDP của cấp mình và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để đầu tư hoàn thành dự án theo đúng tiến độ và quy định về thời gian bố trí vốn theo nhóm dự án.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc Nhà nước huyện theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

4. Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng nguồn kinh phí được cấp đúng mục đích và thanh quyết toán kinh phí theo đúng chế độ tài chính hiện hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện Bình Giang và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

#### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vũ Hữu Tuấn**



UBND HUYỆN BÌNH GIANG

Biểu số 01

**ĐIỀU CHỈNH CƠ CHẾ NGUỒN VỐN GIAO CẤP HUYỆN THỰC HIỆN DỰ ÁN TẠO NGUỒN NSDP 5 NĂM 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Bình Giang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án trọng điểm giao cấp huyện thực hiện và dự án tạo nguồn	Tổng mức đầu tư (như cầu vốn đầu tư hoàn thành dự án)	Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025 (nguồn thu sử dụng đất)			Ghi chú
			Kế hoạch vốn đã giao	Điều chỉnh giảm	Kế hoạch vốn sau điều chỉnh	
A	B	1	2	3	4=2+3	5
	<b>TỔNG SỐ</b>	817.120,0	1.050.000,0	-1.050.000,0	0,0	
<b>I</b>	<b>Dự án trọng điểm</b>	817.120,0	0,0	0,0	0,0	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cây đến đường tỉnh 394	817.120,0				
<b>II</b>	<b>Dự án tạo nguồn</b>		1.050.000,0	-1.050.000,0	0,0	
1	Khu dân cư phía Nam thị trấn Kê Sắt		476.400,0	-476.400,0		
2	Khu dân cư Trung tâm văn hóa, thể thao, giáo dục và dân cư mới xã Thái Học		370.140,0	-370.140,0		
3	Khu dân cư làng nghề Lược Vạc		203.460,0	-203.460,0		

Chăm r<sup>o</sup> nhất Ms

**PHÂN BỐ, ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NSDP 5 NĂM 2021-2025 (NGÂN SÁCH HUYỆN)**  
(Kèm theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Bình Giang)

STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm ( )	Vốn phân bổ				Vốn dự kiến phân bổ							
					Tổng mức đầu tư				Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Vốn chuyển nguồn sang năm 2023	Vốn thu tiền sử dụng đất	Nguồn kiến thiết thi công và Môi trường	Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn khác			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)												Tổng số	Tổng số	
					1	2												3	4	5=6+11
A	B	C		D																
<b>TỔNG CỘNG</b>																				
A	Thực hiện dự án, công trình vốn NSDP 5 năm 2021-2025					957.033,4	280.319,5	615.138,6	-140.000,0	567.924,2	473.824,2	270.903,6	194.920,6	0,0	8.000,0	8.000,0	94.100,0	17.000,0	77.100,0	0,0
I	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025					21.009,4	0,0	20.810,3	-1.341,7	416.005,5	321.905,5	270.903,6	43.001,9	0,0	8.000,0	8.000,0	94.100,0	17.000,0	77.100,0	0,0
1	Xây dựng trụ sở làm việc Bộ phận một của Huyện Bình Giang	BQL	2023-2024	2389/QĐ 21/11/2022		7.888,9		7.694,7	-445,5	7.249,2	7.249,2	7.249,2				0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
2	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện (Nhà trạm thú y cũ)	BQL	2023-2024	2388/QĐ 21/11/2022		2.768,5		2.768,4	-165,2	2.603,2	2.603,2	2.603,2				0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang nhân dân thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Hồng	BQL	2023-2024	2390/QĐ 21/11/2022		5.120,0		5.120,6	-556,0	4.564,6	4.564,6	4.564,6				0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
4	Nâng cấp, cải tạo rãnh thoát nước và vỉa hè TT Kế Sắt (đoạn từ ngã 5 mới đến ngã 5 cũ)	BQL	2023-2024	2430/QĐ 29/11/2022		4.256,0		4.255,6	-169,7	4.085,9	4.085,9	4.085,9				0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
5	Cải tạo nhà làm việc phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Giang	BQL	2023-2024			976		971	-5,3	5,3	5,3	5,3				0,0	0,0	0,0	0,0	0,0
II	Dự án khởi công mới hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025					936.024,0	280.319,5	594.328,3	-290.577,0	397.497,3	303.397,3	252.395,4	43.001,9	0,0	8.000,0	8.000,0	94.100,0	17.000,0	77.100,0	0,0
I	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cây đến đường tỉnh 394;	BQL	2023-2025	84/QĐ 19/9/2023		817.120,0	163.424,4	543.068,4	-280.000,0	313.068,4	263.068,4	250.000,0	13.068,4				50.000,0	50.000,0	50.000,0	0,0

Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025

Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh

Bao gồm

STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm ( )	Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	3	4	Vốn phân bổ				Vốn dự kiến phân bổ											
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư						Tổng số	Tổng số	Tổng số	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó							
					Tất cả các nguồn vốn	Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)									Vốn XDCB tập trung	Vốn chuyển nguồn sang năm 2023	Vốn thu tiền sử dụng đất		Nguồn kiến thiết thị chính và Môi trường	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu tiền sử dụng đất
D	1.000,0	1.000,0	750,0	1.000,0	750,0	1.000,0	750,0	385,1	1.000,0	750,0	1.000,0	750,0	1.000,0	750,0	1.000,0	750,0	1.000,0	750,0								
A	B	C		D	1	2	3	4	5=6+11	6=7+..10	7	8	9	10	11=12+..14	12	13	14								
2	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc phòng Giáo dục và đào tạo huyện Bình Giang	BQL	2023	911/QĐ 26/5/2023	1.000,0	1.000,0	1.000,0	-385,1	614,9	614,9		614,9			0,0											
3	Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu công viên trung tâm huyện Bình Giang	BQL			750,0	750,0	750,0	-750,0	0,0	0,0		0,0			0,0											
4	Dự án Nâng cấp tạo vỉa hè và hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường 392 (đoạn từ trường THPT Bình Giang đến đường gom Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng) - giai đoạn 1	BQL	2023-2024	1839/QĐ 25/8/2023	10.044,0	10.044,0	10.044,0		8.000,0	8.000,0		5.114,0		2.886,0	0,0											
5	Nâng cấp, cải tạo cây xanh, hào cấp ngầm đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ ngã 3 cầu sắt đến trụ sở công an thị trấn) và đường Phạm Ngũ Lão	BQL	2023-2024	1871/QĐ 31/8/2023	4.314,0	4.314,0	2.930,0	-1.714,0	2.600,0	2.600,0		2.600,0			0,0											
6	Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Bắc Hưng Hải tại Thị trấn Kê Sắt, huyện Bình Giang	BQL	2023-2024	2171/QĐ 27/8/2023	39.621,1	39.621,1	10.000,0	-1.500,0	8.500,0	8.500,0		8.500,0	0,0		17.500,0	8.500,0	9.000,0									
7	Đầu tư xây dựng trường Mầm non thị trấn Kê Sắt	BQL	2023-2025	2565/CĐ 13/10/2023	44.898,9	42.890,0	13.165,9	-1.165,9	29.500,0	12.000,0		12.000,0			17.500,0	8.500,0	9.000,0									
8	Dự án hạ ngầm đường dây hạ thế 0,4KV tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ ngã ba cầu Sắt đến công an thị trấn Kê Sắt) và đường Phạm Ngũ Lão	BQL	2023-2024		12.600,0	12.600,0	8.000,0	-4.500,0	3.500,0	3.500,0	2.395,4	1.104,6			9.100,0		9.100,0									
9	Dự án đầu tư hệ thống điện chiếu sáng và hạ ngầm tuyến đường dây 0,4KV cáp điện khu dân thị trấn Kê Sắt (đoạn từ ngã năm mới đến ngã năm cũ)	BQL	2023-2024	2170/QĐ 27/9/2023	5.676,0	5.676,0	5.370,0	-562,0	5.114,0	5.114,0				5.114,0	0,0											







Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025

Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh

Bao gồm

STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày, tháng, năm		Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm ( )	Tổng số	Vốn phân bổ				Vốn dự kiến phân bổ				
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng mức đầu tư	Trong đó				Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Trong đó						
							Vốn ch-uyển nguồn sang năm 2023						Vốn thu tiền sử dụng đất	Nguồn kiến thiết thi chính và Môi trường	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu tiền sử dụng đất khác
1	2	3	4	5=6+11	6=7+..10	7	8	9	10	11=12+..14	12	13	14						
A	B	C	D																
1	Trung tâm văn hóa thể thao xã Nhân Quyền. Hạng mục: Sân nền, đường pít, thoát nước, sân khấu, khán đài, sân, nhà vệ sinh, công, điện chiếu sáng							2.370		2.370		2.370							
2	Nâng cấp, cải tạo đường trục xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang - Tuyến 1: Từ tỉnh lộ 392 vào thôn Dương Xá - Tuyến 2: Từ ngã tư trung tâm xã vào thôn Bùi Xá. Hạng mục: Nền, mặt đường, bốt hè, ATGT, thoát nước, điện chiếu sáng							850		850		850							
3	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường giao thông thôn Bùi Xá, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang							6.262		6.262		6.262							
4	Nâng cấp, cải tạo các tuyến đường thôn Hòa Loan, xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang							4.308		4.308		4.308							
5	Nâng cấp, cải tạo đường xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang: Đoạn từ đường Gom QL 5B vào ngã tư thôn Bùi Xá, Hạng mục: Nền, mặt đường thoát nước							2.056		2.056		2.056							
6	Nâng cấp, cải tạo sân, hệ thống thoát nước trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nhân Quyền							2.884		2.884		2.884							
	<b>TÂN HỒNG</b>							<b>20.828</b>		<b>20.828</b>		<b>20.828</b>							
1	Cải tạo nâng cấp tuyến đường Làng Tiên sỹ Mộ Trạch, xã Tân Hồng (Đoạn từ Km0 + 0,00 đến Km1 + 984,90)							1.885		1.885		1.885							

Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025																		
Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh																		
STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Số quyết định; ngày; tháng, năm	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm ( )	Vốn phân bổ				Vốn dự kiến phân bổ					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)			Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Vốn chuyển nguồn sang năm 2023	Vốn thu tiền sử dụng đất	Nguồn kiến thiết thị chính và Môi trường	Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn khác	
																		1
A	B	C	D						5=6+11	6=7+.10	7	8	9	10	11=12+.14	12	13	14
2	Trường Mầm non Tân Hồng. Hạng mục: Nhà lớp học 2 tầng 4 phòng (Móng 3 tầng)						1.486	1.486	1.486	1.486	1.486	1.486						
3	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT thôn My Cầu, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang; (Đoạn giáp cây xăng Tân Hồng đến điểm quy hoạch khu dân cư mới). HM: đường bê tông, biển chào, phá rở trạm bơm cũ						1.093	1.093	1.093	1.093	1.093	1.093						
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Mộ Trạch, xã Tân Hồng, huyện Bình Giang; Đoạn từ đường trục chính UBND xã ra tỉnh lộ 394						7.967	7.967	7.967	7.967	7.967	7.967						
5	Nâng cấp đường trục xã Tân hồng, huyện Bình Giang; Hạng mục: Kè lè đường, xây bồn hoa, lát gạch vỉa hè, làm đường bê tông đi vào bãi tập kết rác						4.598	4.598	4.598	4.598	4.598	4.598						
6	Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Tân hồng, huyện Bình Giang. Hạng mục: Tường kè, vỉa hè, vườn hoa, công chác và chiếu sáng						521	521	521	521	521	521						
7	Nâng cấp, cải tạo đường xã Tân hồng, huyện Bình Giang. Tuyến 1: nối từ xóm Đông thôn My Cầu đến xóm Tây thôn My Cầu; Tuyến 2: Nối từ nhà văn hóa thôn Trạch xã đến thôn Quang Tiến						320	320	320	320	320	320						
8	Trường THCS Tân Hồng; Hạng mục: Phá rở, san lấp, công, tường rào, sân, vỉa hè, nhà xe giáo viên						2.958	2.958	2.958	2.958	2.958	2.958						
									17.689	17.689					17.689			
									17.689	17.689					17.689			

Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025																			
Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh																			
STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư			Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm ( )	Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Tổng số	Bao gồm				Tổng số	Vốn dự kiến phân bổ	Nguồn vốn khác			
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư					Tổng số	Vốn phân bổ	Tổng số	Trong đó				Vốn thu tiền sử dụng đất		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)							Vốn XDCB tập trung					Vốn chuyển nguồn sang năm 2023	Vốn thu tiền sử dụng đất
1	2	3	4	5=6+11	6=7+...10	7	8	9	10	11=12+...14	12	13	14						
A	B	C	D	1	2	3	4	5=6+11	6=7+...10	7	8	9	10	11=12+...14	12	13	14		
1	Nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ ngã ba Ông Rộng đến trạm bơm ba vôi Bình Cách và đoạn từ công làng văn hóa thôn Chương Cầu đến ngã ba Ninh						3.308	3.308	3.308		3.308								
2	Đường dây 35KV, trạm biến áp đường dây 0,4KV sinh hoạt và chiếu sáng cấp điện cho điểm dân cư mới Công Cầu vị trí 1 thôn Như, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang.						1.008	1.008	1.008		1.008								
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nông thôn đoạn từ nhà văn hóa đến đình làng thôn Quán						1.568	1.568	1.568		1.568								
4	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông Hoà Loan - Ngô Quyền (Đoạn từ Trạm Y tế đến trạm bơm thôn Quán, xã Bình Xuyên)						11.076	11.076	11.076		11.076								
5	Nhà văn hóa thôn Ngô, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang						729	729	729		729								
	<b>VĨNH HỒNG</b>						<b>16.138</b>	<b>16.138</b>	<b>16.138</b>		<b>16.138</b>								
1	Xây dựng, cải tạo và mở rộng một số tuyến đường GTNT xã Vĩnh Hồng						5.072	5.072	5.072		5.072								
2	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông thôn Me Vàng và thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Hồng						1.289	1.289	1.289		1.289								
3	Xây dựng kê chắn ao và vỉa hè tuyến đường thôn Phụng viện, xã Vĩnh Hồng						1.575	1.575	1.575		1.575								
4	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường giao thông thôn Lý Đông và thôn Lý Dương, xã Vĩnh Hồng						6.273	6.273	6.273		6.273								

Kế hoạch vốn NSĐP 5 năm 2021-2025

Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh

Bao gồm

STT	Chủ đầu tư dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSĐP (ngân sách huyện)	Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm ( )	Vốn phân bổ					Vốn dự kiến phân bổ									
			Tổng mức đầu tư	Tổng số						Tổng số	Tổng số	Trong đó				Tổng số	Vốn dự kiến phân bổ	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn khác				
												Vốn chuyển nguồn sang năm 2023	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn XDCB tập trung	Vốn XDCB tập trung						Vốn XDCB tập trung	Vốn XDCB tập trung	Vốn XDCB tập trung	Vốn XDCB tập trung
6=7+.10	7	8	9	10	11=12+.14	12	13	14																
A	B	C	D	I	2	3	4	5=6+11	6=7+.10	7	8	9	10	11=12+.14	12	13	14							
5	Đền thờ Bà Chúa Me Vũ Thị Ngọc Nguyên; Hạng mục: Lò hóa sớ, sân vườn phần mở rộng						994	994	994		994													
6	Cải tạo nhà đa năng trường tiểu học Vĩnh hồng, huyện Bình Giang						935	935	935		935													
	<b>THÁI HỘC</b>						<b>21.011</b>	<b>21.011</b>	<b>21.011</b>		<b>21.011</b>													
1	Xây dựng, cải tạo các hạng mục phụ trợ UBND xã Thái Học, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương						8.860	8.860	8.860		8.860													
2	Nhà lớp học 3 tầng 3 phòng trường Mầm non xã Thái Học, huyện Bình Giang						3.000	3.000	3.000		3.000													
3	Nâng cấp, cải tạo 02 tuyến đường GTNT và vỉa hè thôn Sỏi Cầu, xã Thái Học, huyện Bình Giang						7.090	7.090	7.090		7.090													
4	Cải tạo các hạng mục phụ trợ trường tiểu học xã Thái Học, huyện Bình Giang						2.061	2.061	2.061		2.061													
	<b>XÃ THÁI HÒA</b>						<b>10.290</b>	<b>10.290</b>	<b>10.290</b>		<b>10.290</b>													
1	Cải tạo, nâng cấp đường GTNT Thôn Cao Xá xã Thái Hòa ( đoạn từ công ông Năm đến điểm Cao xá ); Hạng mục nền, mặt đường và thoát nước						1.968	1.968	1.968		1.968													
2	Nâng cấp cải tạo đường giao thông nông thôn, thôn Nhữ Thị, xã Thái Hòa						2.618	2.618	2.618		2.618													
3	Cải tạo nâng cấp đường giao thông nông thôn, thôn Nhữ Thị xã Thái Hòa, huyện Bình Giang ( đoạn từ nhà ông Mùi đến nhà ông Kịch )						2.145	2.145	2.145		2.145													

Kế hoạch vốn NSDP 5 năm 2021-2025

Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh

Bao gồm

STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm ( )	Vốn phân bổ					Vốn dự kiến phân bổ												
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)	Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Vốn chuyển nguồn sang năm 2023	Vốn thu tiền sử dụng đất	Nguồn kiến thiết thi công và Môi trường	Tổng số	Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Nguồn vốn khác							
																			5=6+11	6=7+...10	7	8	9	10	11=12+...14
A	B	C	D	1	2	3	4	5=6+11	6=7+...10	7	8	9	10	11=12+...14	12	13	14								
4	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông xã Thái Hòa (Đoạn thôn An Đông từ Nhà văn hóa ra cánh đồng)						3.219	3.219	3.219		3.219														
5	Cải tạo, nâng cấp nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường mầm non tập trung xã Thái Hòa						340	340	340		340														
	<b>THÁI DƯƠNG</b>						<b>4.243</b>	<b>4.243</b>	<b>4.243</b>		<b>4.243</b>														
1	Nâng cấp, cải tạo đường vào di tích lịch sử đình làng thôn Hoàng Sơn, xã Thái Dương, huyện Bình Giang						2.410	2.410	2.410		2.410														
2	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Thái dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải dương						1.200	1.200	1.200		1.200														
3	Nhà văn hóa xã Thái dương						344	344	344		344														
4	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Thái Dương, huyện Bình Giang						289	289	289		289														
	<b>TÂN VIỆT</b>						<b>13.676</b>	<b>13.676</b>	<b>13.676</b>		<b>13.676</b>														
1	Nhà làm việc công an chính quy và các phòng chức năng xã Tân Việt						2.724	2.724	2.724		2.724														
2	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Bằng Giã xã Tân Việt, huyện Bình Giang ( đoạn từ trạm bơm đội 1 sang đội 2 kết nối với đường tỉnh 394)						2.175	2.175	2.175		2.175														
3	Xây dựng hệ thống nương tiêu nước thải sinh hoạt khu trại đội 3, di chuyển máy bơm nước nhà ông Huỳnh đảm bảo tưới tiêu và kết nối hệ thống giao thông phục vụ sản xuất thôn Bằng giã xã Tân Việt						3.074	3.074	3.074		3.074														

Kế hoạch vốn NSDDP 5 năm 2021-2025

Kế hoạch vốn sau phân bổ, điều chỉnh

Bao gồm

STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn đã giao, dự kiến giao	Phân bổ, điều chỉnh tăng, giảm ( )	Vốn phân bổ						Vốn dự kiến phân bổ					
				Số quyết định; ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDDP (ngân sách huyện)	Trong đó			Tổng số	Vốn dự kiến phân bổ	Trong đó				
										Vốn XDCB tập trung	Vốn chuyển nguồn sang năm 2023	Vốn thu tiền sử dụng đất			Vốn XDCB tập trung	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn trung XDCB	Vốn thu tiền sử dụng đất	Vốn khác
1	2	3	4	5=6+11	6=7+.10	7	8	9	10	11=12+.14	12	13	14						
A	B	C	D																
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tân Việt, đoạn từ đường tỉnh 394 đến đình làng Tân Hưng						1.983	1.983		1.983		1.983							
5	Trung tâm văn hóa thể thao thôn Tân Hưng xã Tân Việt, HM: Cải tạo nhà văn hóa sân, đường nội bộ, sân bóng						3.720	3.720		3.720		3.720							
	<b>HÙNG THẮNG</b>						<b>5.351,7</b>	<b>5.351,7</b>		<b>5.351,7</b>		<b>5.351,7</b>							
1	Đường giao thông xã Hùng Thắng đoạn từ UBND xã đến đường ĐT.395-Giai đoạn 2 (Đoạn từ ao nhà ông Thiệu đến TL395).						1.326,7	1.326,7		1.326,7		1.326,7							
2	Sân vận động trung tâm xã Hùng Thắng- Giai đoạn 2						3.433	3.433		3.433		3.433							
3	Sân vận động thôn Lương Phúc- xã Hùng Thắng; Hạng mục: Công, tường rào, đường giao thông						592	592		592		592							
	<b>THỨC KHÁNG</b>						<b>5.355</b>	<b>5.355</b>		<b>5.355</b>		<b>5.355</b>							
1	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Tiểu học xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang						706	706		706		706							
2	Đường trục xã Thúc Kháng đoạn từ sân bóng Châu Khê đến đường Thanh Niên						1.625	1.625		1.625		1.625							
3	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT thôn Ngọc Cục xã Thúc Kháng (Đoạn từ đình làng Ngọc Cục đến nút giao với đường trung tâm xã)						3.024	3.024		3.024		3.024							

**PHÂN BỐ VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NSDP NĂM 2023**  
(Kèm theo Quyết định số 2878/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2023 của UBND huyện Bình Giang)

STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư		Số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2023				Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Tổng cộng	Trong đó			Kế hoạch vốn năm 2023 sau phân bổ, điều chỉnh			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)	Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023	Nguồn thu tiền đất năm 2023		Nguồn kiến thiết chỉnh và Môi trường	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Nguồn XDCB trung		Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023	Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết chỉnh và Môi trường
A	B	C	D	1	2	3	4	5=6...9	7	8	9	10	11	12	13=14..18	15	16	17	18	
<b>TỔNG CỘNG</b>																				
A	Phân bổ và điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023			957.033,4	280.319,5	957.033,4	4.349,3	465.365,6	17.520,0	199.920,6	239.925,0	8.000,0	469.802,7	66.879,0	549.823,6	267.520,0	199.920,6	74.383,0	8.000,0	
I	Dự án chuyển tiếp hoàn thành trong năm 2023			957.033,4	280.319,5	957.033,4	4.349,3	360.440,6	17.520,0	184.920,6	150.000,0	8.000,0	360.440,6	-11.918,7	348.521,9	267.520,0	43.001,9	30.000,0	8.000,0	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Bộ phận một của Huyện Bình Giang	BQL	2389/QĐ 21/11/202	7.888,9		7.888,9	568,7	7.126,0	7.126,0				7.126,0	-445,500	6.680,5				0	
2	Cải tạo, sửa chữa và nâng cấp trung tâm dịch vụ nông nghiệp huyện (Nhà trạm thú y cũ)	BQL	2388/QĐ 21/11/202	2.768,5		2.768,5	902,4	1.866,0	1.866,0					-165,200						
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật nghĩa trang nhân dân thôn Đỗ Xá, xã Vĩnh Hồng	BQL	2390/QĐ 21/11/202	5.120,0		5.120,0	549,6	4.571,0	4.571,0					-556,0	4.015,0					
4	Nâng cấp, cải tạo rãnh thoát nước và vỉa hè TT Kế Sắt (đoạn từ ngã 5 mới đến ngã 5 cũ)	BQL	2430/QĐ 29/11/202	4.256,0		4.256,0	1357,6	2.898,0	2.898,0					-169,7	2.728,3					
5	Cải tạo nhà làm việc phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Bình Giang	BQL		976		976	971	5,3	5,3				5,3	-5,3	0,0		0			
<b>II</b>																				
<b>Dự án khởi công mới hoàn thành trong năm 2023</b>																				
1	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc phòng Giáo dục và đào tạo huyện Bình Giang	BQL	911/QĐ 26/5/2023	1.000,0	1.000,0	1.000,0	0,0	1.000,0	0,0	1.000,0	0,0	0,0	1.000,0	-3.411,1	16.328,9	0,0	8.328,9	0,0	8.000,0	
2	Khảo sát, lập quy hoạch chi tiết xây dựng khu công viên trung tâm huyện Bình Giang	BQL		750,0	750,0	750,0		750,0		750,0			750,0	-750,0	0,0		0,0			
3	Dự án Nâng cấp cải tạo vỉa hè, rãnh thoát nước và hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường 392 (đoạn từ trường THPT Bình Giang đến đường gom Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng) - giai đoạn I	BQL	1839/QĐ 25/8/2023	10.044,0	10.044,0	10.044,0		8.000,0		8.000,0			8.000,0	0,0	8.000,0				2.886	
4	Nâng cấp, cải tạo cây xanh, hào cấp ngầm đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ ngã 3 cầu sắt đến công an thị trấn Kế Sắt) và đường Phạm Ngũ Lão	BQL	1871/QĐ 31/8/2023	4.314,0	4.314,0	4.314,0		4.314,0		4.314,0			4.314,0	-1.714,0	2.600,0					

Đơn vị: triệu đồng



STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư		Số vốn đầu tư	Số vốn đầu tư thanh toán từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023					Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau phân bổ, điều chỉnh						
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)	Tổng số	Trong đó				Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng cộng	Trong đó			Nguồn kiến thiết thị chính và Môi trường
											Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023	Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết thị chính và Môi trường			Phân bổ kế hoạch vốn (đã giao, dự kiến giao)	Điều chỉnh	Nguồn XDCB tập trung	
A	B	C	D	1	2	3	4	5=6...9	7	8	9	10	11	12	13=14..18	15	16	17	18	
5	Dự án đầu tư hệ thống điện chiếu sáng và hạ ngầm tuyến đường dây 0,4KV cấp điện khu dân thị trấn Kế Sắt (đoạn từ ngã năm mới đến ngã năm cũ)	BQL	2170/QĐ 27/9/2023	5.676,0	5.676,0	5.676,0	0,0	5.676,0	1.053,7	5.676,0	150.000,0	8.000,0	5.676,0	-562,0	5.114,0	252.395,4	34.673,0	30.000,0	0,0	
III	Dự án khởi công mới hoàn thành sau năm 2023			914.240,0	258.535,5	914.240,0	0,0	324.234,3	1.053,7	165.180,6	150.000,0	8.000,0	324.234,3	-7.165,9	317.068,4	252.395,4	34.673,0	30.000,0	0,0	
1	Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 395 (Đoạn từ Km16+750-Km23+920) và đường dẫn cầu Cây đến đường tỉnh 394;	BQL	84/QĐ 19/9/2023	817.120,0	163.424,4	817.120,0		293.068,4		143.068,4	150.000,0		293.068,4		293.068,4	250.000,0	13.068,4	30.000,0		
2	Đầu tư xây dựng cầu vượt sông Bắc Hưng Hải tại Thị trấn Kế Sắt, huyện Bình Giang.	BQL	2171/QĐ 27/8/2023	39.621,1	39.621,1	39.621,1		10.000,0		10.000,0			10.000,0	-1.500,0	8.500,0		8.500,0			
3	Đầu tư xây dựng trường Mầm non thị trấn Kế Sắt	BQL	2565/QĐ 13/10/2023	44.898,9	42.890,0	44.898,9		13.165,9	1.053,7	12.112,2			13.165,9	-1.165,9	12.000,0		12.000,0			
4	Hạ ngầm đường dây hạ thế 0,4KV tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ ngã ba cầu Sắt đến công an thị trấn Kế Sắt) và đường Phạm Ngũ Lão	BQL		12.600,0	12.600,0	12.600,0		8.000,0			8.000,0		8.000,0	-4.500,0	3.500,0	2.395,4	1.104,6			
B	Hỗ trợ các xã, thị trấn			0,0	0,0	0,0		104.925,0	0,0	15.000,0	89.925,0	0,0	109.362,1	-73.121,0	49.383,0	0,0	5.000,0	44.383,0	0,0	
I	Hỗ trợ xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn (thay đổi theo đề án của tỉnh)							16.000,0			16.000,0		16.000,0	-16.000,0	0,0			0,0		
II	Quy hoạch, đo đạc, cấp giấy chứng nhận.....							36.985,0		10.000,0	26.985,0		36.985,0	-33.579,1	3.405,9			3.405,9		
III	Hỗ trợ thanh toán hạ tầng, đền bù GPMB							46.940,0	0,0	0,0	46.940,0	0,0	33.798,1	-13.141,9	33.798,1	0,0	0,0	33.798,1	0,0	
1	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới Công Cầu, thôn Như, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang; hạng mục San nền, giao thông, thoát nước vị trí	Bình Xuyên						0,0			0,0		870,0		870,0			870,0		
2	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Bằng Giã, xã Tân Việt, huyện Bình Giang; hạng mục: San nền đắp bờ bao chắn cát (giai đoạn 2 - vị trí	Tân Việt						0,0			0,0		5.624,0		5.624,0			5.624,0		
3	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới vị trí 2 thôn Gò, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang; hạng mục: San nền - vị trí 2.	Bình Xuyên						0,0			0,0		5.000,0		5.000,0			5.000,0		
4	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Như Thị, xã Thái Hoà, huyện Bình Giang; hạng mục: San nền vị trí 2.	Thái Hoà						0,0			0,0		1.980,0		1.980,0			1.980,0		
5	Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Phú Khê, xã Thái Học, huyện Bình Giang; hạng mục: San nền.	Thái Học						0,0			0,0		8.000,0		8.000,0			8.000,0		

STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư		Số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2023				Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau phân bổ, điều chỉnh						
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số nguồn vốn (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSĐP (ngân sách huyện)	Tổng số	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023	Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết thi công và chỉnh và mới trường	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023	Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết thi công và mới trường
A	B	C	D	1	2	3	4	5=6...9	7	8	9	10	11	12	13=14..18	15	16	17	18
6	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư tại Khu 6 Ấp Kinh Dương, xã Thái Dương, huyện Bình Giang; hạng mục: San nền vị trí 2 + giao thông + thoát nước + cấp nước + áp điện + cây xanh.	Thái Dương						0,0			0,0		6.000,0		6.000,0			6.000,0	
7	Công trình: Hạ tầng kỹ thuật điểm dân cư mới thôn Quang Tiên và thôn Mỹ Trạch, xã Bình Minh, huyện Bình Giang; Hạng mục: Cây Xanh.	Bình Minh						0,0			0,0		324,1		324,1			324,1	
8	Xây dựng điểm dân cư mới thôn Mỹ Thủy (GD 2 đợt 2) xã Vĩnh Hồng; HM: San nền	Vĩnh Hồng						0,0			0,0		6.000,0		6.000,0			6.000,0	
II	Hỗ trợ các công trình XD của xã			0,0	0,0	0,0	0,0	5.000,0	0,0	5.000,0	0,0	0,0	22.579,0	-10.400,0	12.179,0	0,0	5.000,0	7.179,0	0
1	Công trình: Đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp (đoạn từ thôn An Đông xã Thái Hòa đi xã Ngô Quyền, Thanh Miện)												3.700,0	-3.700,0	0,0			0,0	
2	Thanh toán cho công trình đường giao thông phục vụ sản xuất nông nghiệp (đoạn từ Cầu Công đi Ba Lô Ngang) - Bình Xuyên												3.700,0	-3.700,0	0,0			0,0	
3	Thanh toán công trình: Cải tạo, nâng cấp đường giao thông ra đồng phục vụ sản xuất: đoạn từ Công Đông đến đường Ông Hương thôn Ngọc Cục Thúc Kháng.												3.000,0	-3.000,0	0,0			0,0	
4	Công trình: Các hạng mục phụ trợ của Trường Mầm non Thái Dương, huyện Bình Giang, Hải Dương.												500,0	0,0	500,0			500,0	
5	Hỗ trợ UBND xã Cổ Bi đầu tư xây dựng công trình Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng Trường THCS Cổ Bi							5.000,0		5.000,0			5.000,0		5.000,0	5.000,0			
6	Trà nọ công trình: Nâng cấp cải tạo đường xã Tân Hồng; T1 Nối từ nhà VH Tuyên cũ đến đường trục chính xã; T2: Đường chạy xung quanh khu giếng chùa thôn Mỹ Cầu; T3: Nối từ thôn Mỹ Cầu sang điểm DCM xóm Đông thôn Mỹ Cầu giai đoạn I												4.381,2		4.381,2			4.381,2	
7	Trà nọ công trình: Cải tạo, nâng cấp tuyến đường làng Tiên sỹ Mỹ Trạch (Đoạn từ Km0+0,00 đến Km1+984,90)												131,4		131,4			131,4	
8	Trà nọ công trình: Các hạng mục phụ trợ Trụ sở ĐU-UBND-UBND xã Tân Hồng												1.517,9		1.517,9			1.517,9	
9	Trà nọ công trình: Trụ sở ĐU-UBND-UBND xã Tân Hồng; hạng mục Nâng cấp cải tạo nhà làm việc.												648,5		648,5			648,5	

STT	Dan h mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư		Số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023					Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau phân bổ, điều chỉnh						
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Tổng số	Trong đó				Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023	Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết thi công và Môi trường		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023							Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết thi công và Môi trường
A	B	C	D	1	2	3	4	5-6...9	7	8	9	10	11	12	13=14..18	15	16	17	18
C	Bổ sung KP hỗ trợ cho các xã, thị trấn để trả nợ công trình XDCB (Phụ lục chi tiết kèm theo)			0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	151.918,7	0,0	151.918,7	0,0	0,0	0,0
	<b>XÃ HỒNG KHÊ</b>													4.355	-	4.355			
1	Nhà lớp học của trường THCS xã Hồng Khê, huyện Bình Giang													1.078		1.078			
2	Cải tạo, nâng cấp đường trục X2 (Đoạn từ ngã ba đường T2 thôn Phú Bù đến nhà ông Chí thôn Lôi Trì) xã Hồng Khê													543		543			
3	Cải tạo, nâng cấp đường trục X2 (Đoạn từ công tiêu T5-1 đến ngã 3 đường T2 thôn Phú Bù xã Hồng Khê)													1.018		1.018			
4	Trạm y tế xã Hồng Khê - huyện Bình Giang, hạng mục: cải tạo nhà làm việc+ các hạng mục phụ trợ sân vườn, công, tường rào, nhà xe, nhà vệ sinh													1.716		1.716			
	<b>LONG XUYỀN</b>													1.952	0	1.952			
1	Sân tập thể dục có mái che trường tiểu học Long Xuyên													1.952		1.952			
	<b>BÌNH MINH</b>													3.781	-	3.781			
1	Trường Tiểu học và THCS Bình Minh; Hạng mục: Xây mới nhà xe học sinh khối tiểu học và cải tạo nhà lớp học + hiệu bộ khối tiểu học													1.106		1.106			
2	Xây dựng công - tường rào, rãnh thoát nước và cải tạo nhà bảo vệ - y tế học đường khối Tiểu học Trường Tiểu học và THCS Bình Minh													630		630			
3	Xây dựng mái che và cải tạo một số hạng mục công trình trường mầm non Bình Minh													1.098		1.098			
4	Xây dựng công - tường rào, rãnh thoát nước và cải tạo một số hạng mục công trình khối THCS Trường Tiểu học và THCS Bình Minh													4.797	-	4.797			
	<b>T. KẾ SÁT</b>													1.463		1.463			
1	Cải tạo nhà văn hóa khu phố 5 Thị trấn Kế Sắt													2.758		2.758			
2	Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường giao thông khu 5 Thị trấn Kế Sắt, huyện Bình Giang													576		576			
3	Nhà hiệu bộ trường THCS Trưng Liệt													3.722	-	3.722			
	<b>VĨNH HƯNG</b>													947		947			
1	Đường giao thông nông thôn xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương													947		947			





STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư		Số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2023				Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023		Kế hoạch vốn năm 2023 sau phân bổ, điều chỉnh						
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư			Tổng số	Trong đó			Phân bổ kế hoạch vốn (đã giao, dự kiến giao)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng cộng	Trong đó					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Tổng số vốn NSĐP (ngân sách huyện)	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023				Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết chỉnh và Môi trường	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023	Nguồn thu tiền đất năm 2023	Ngũgũ kiến thũ thị chũ và Mũ trũn
A	B	C	D	1	2	3	4	5=6...9	7	8	9	10	11	12	13=14..18	15	16	17	18
3	Xây dựng kê chũn ao và viũ hũ tũn đũnđng thũn Phũng viũn, xũ Vĩnh Hũng													1.575			1.575		
4	Cũi tũo, nũng cũp mũt sũ tũnđng đũnđng giao thũng thũn Lũ Đũng và thũn Lũ Đũng, xũ Vĩnh Hũng													6.273			6.273		
5	Đũn đũn Bũ Chũa Mũ Yũ Tũ Nũc Nũyũn; Hũng mũc: Lũ hũa sũ, sũn vũn phũn mũ rũng													994			994		
6	Cũi tũo nhũ đũ nũng trũnđng tiũu hũc Vĩnh hũng, hũyũn Bĩnh giũng													935			935		
	<b>THÁI HỌC</b>													<b>21.011</b>			<b>21.011</b>		
1	Xũy đũng, cũi tũo cũc hũng mũc phũ trũ UBND xũ Thũi Hũc, hũyũn Bĩnh Giũng, tĩnh Hũi Đũng													8.860			8.860		
2	Nhũ lũp hũc 3 tũng 3 phũng trũnđng Mũm non xũ Thũi Hũc, hũyũn Bĩnh Giũng													3.000			3.000		
3	Nũng cũp, cũi tũo 02 tũnđng GTNT và viũ hũ thũn Sũi Cũu, xũ Thũi Hũc, hũyũn Bĩnh Giũng													7.090			7.090		
4	Cũi tũo cũc hũng mũc phũ trũ trũnđng tiũu hũc xũ Thũi Hũc, hũyũn Bĩnh Giũng													2.061			2.061		
	<b>XÃ THÁI HÒA</b>													<b>10.290</b>			<b>10.290</b>		
1	Cũi tũo, nũng cũp đũnđng GTNT Thũn Cũo Xũ xũ Thũi Hũa ( đũn đũ cũng đũng Nũm đũn đũm Cũo xũ ); Hũng mũc nũm, mĩt đũnđng và thũt nũc													1.968			1.968		
2	Nũng cũp cũi tũo đũnđng giao thũng nũng thũn, thũn Nhũ Thũ, xũ Thũi Hũa													2.618			2.618		
3	Cũi tũo nũng cũp đũnđng giao thũng nũng thũn, thũn Nhũ Thũ xũ Thũi Hũa, hũyũn Bĩnh Giũng ( đũn đũ nhũ đũng Mũi đũn nhũ đũng Khũch )													2.145			2.145		
4	Nũng cũp, cũi tũo đũnđng giao thũng xũ Thũi Hũa (Đũn đũn An Đũng trũ Nhũ vũn hũa rũ cũnh đũng)													3.219			3.219		
5	Cũi tũo, nũng cũp nhũ lũp hũc 2 tũng 10 phũng Trũnđng mũm non tũp trũnđng xũ Thũi Hũa													340			340		
	<b>THÁI DƯƠNG</b>													<b>4.243</b>			<b>4.243</b>		
1	Nũng cũp, cũi tũo đũnđng vũo đũ tũch lũch sũ đũnh lũng thũn Hũng Sũn, xũ Thũi Đũng, hũyũn Bĩnh Giũng													2.410			2.410		

STT	Danh mục chương trình dự án	Chủ đầu tư dự án	Quyết định đầu tư		Số vốn đã thanh toán từ khởi công đến hết năm 2022	Kế hoạch vốn năm 2023				Phân bổ, điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2023				Kế hoạch vốn năm 2023 sau phân bổ, điều chỉnh						
			Số quyết định, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn 5 năm 2021-2025	Tổng số	Trong đó			Phân bổ kế hoạch vốn (đã giao, dự kiến giao)	Điều chỉnh tăng, giảm (-) kế hoạch vốn	Tổng cộng	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023	Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết thị chính và Môi trường			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: vốn NSDP (ngân sách huyện)	Nguồn XDCB tập trung	Nguồn chuyển nguồn sang năm 2023								Nguồn thu tiền đất năm 2023	Nguồn kiến thiết thị chính và Môi trường	
A	B	C	D	1	2	3	4	5=6...9	7	8	9	10	11	12	13=14..18	15	16	17	18	
1	Nâng cấp, cải tạo trường tiểu học Thái Dương, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương													1.200	1.200	1.200				
2	Nhà văn hóa xã Thái Dương													344	344	344				
3	Cải tạo nghĩa trang liệt sĩ xã Thái Dương, huyện Bình Giang													289	289	289				
4	Nhà làm việc công an chính quy và các phòng chức năng xã Tân Việt													13.676	13.676	13.676				
1	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông thôn Bằng Giá xã Tân Việt, huyện Bình Giang (đoạn từ trạm bơm đội 1 sang đội 2 kết nối với đường tỉnh 394)													2.175	2.175	2.175				
2	Xây dựng hệ thống mương tiêu nước thải sinh hoạt khu trại đội 3, di chuyển máy bơm nước rửa ống Huỳnh đảm bảo tiêu và kết nối hệ thống giao thông phục vụ sản xuất thôn Bằng Giá xã Tân Việt													3.074	3.074	3.074				
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông xã Tân Việt, đoạn từ đường tỉnh 394 đến đình làng Tân Hưng													1.983	1.983	1.983				
4	Trung tâm văn hóa thể thao thôn Tân Hưng xã Tân Việt, HM: Cải tạo nhà văn hóa sân, đường nội bộ, sân bóng													3.720	3.720	3.720				
5	HÙNG THẮNG													5.351,7	5.351,7	5.351,7				
1	Đường giao thông xã Hùng Thắng đoạn từ UBND xã đến đường ĐT.395- Giai đoạn 2 (Đoạn từ ao nhà ông Thiệu đến TL395).													1.326,7	1.326,7	1.326,7				
2	Sân vận động trung tâm xã Hùng Thắng- Giai đoạn 2													3.433	3.433	3.433				
3	Sân vận động thôn Lương Phúc- xã Hùng Thắng, Hạng mục: Công, tường rào, đường giao thông													592	592	592				
1	Nhà lớp học 3 tầng 12 phòng trường Tiểu học xã Thúc Kháng, huyện Bình Giang													5.355	5.355	5.355				
2	Đường trục xã Thúc Kháng đoạn từ sân bóng Châu Khê đến đường Thanh Niên													706	706	706				
3	Nâng cấp, cải tạo đường GTNT thôn Ngọc Cục xã Thúc Kháng (Đoạn từ đình làng Ngọc Cục đến nút giao với đường trung tâm xã)													1.625	1.625	1.625				
														3.024	3.024	3.024				